Số TT	KỲ HỌC	TÊN HỌC PHẦN / MÔN HỌC	Số tín chỉ	Ngày thi lần 1	Ngày thi lần 2	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Kiến thức ngành (8 môn)		**18**			
26		Tài chính tiền tệ	4			
27		Marketing căn bản	2			
28		Quản trị chiến lược	2			
29		Quản trị thương hiệu	2			
30		Quản lý dự án	2			
31		Quản trị nguồn nhân lực	2			
32		Văn hóa doanh nghiệp	2			
33		Quan hệ công chúng	2			
	Kiến thức chuyên ngành (6 môn)		**15**			
34		Quản trị chất lượng	3			
35		Tài chính doanh nghiệp 1	3			
36		Quản trị sản xuất & tác nghiệp 1	2			
37		Quản trị sản xuất & tác nghiệp 2	3			
38		Quản trị sản xuất & tác nghiệp 3	2			
39		***Marketing dịch vụ tài chính*** *(tự chọn)*	*2*			
		Quản trị bán hàng *(tự chọn)*	*2*			
	Kiến thức bổ trợ (8 môn)		**19**			
40		Kế toán tài chính 1	4			
41		Kế toán quản trị 1	2			
42		Phân tích tài chính doanh nghiệp	3			
43		Kinh tế quốc tế 1	2			
44		***Mô hình toán kinh tế*** *(tự chọn)*	*2*			
		Khoa học quản lý *(tự chọn)*	*2*			
		Định giá tài sản 1 *(tự chọn)*	*2*			
45		***Thị trường tài chính*** *(tự chọn)*	*2*			
		Thống kê doanh nghiệp *(tự chọn)*	*2*			
46		***Thuế*** *(tự chọn)*	*2*			
		Tài chính doanh nghiệp 2 *(tự chọn)*	*2*			
47		***Internet và thương mại điện tử*** *(tự chọn)*	*2*			
		Quản trị SX&TN giảng bằng TA *(tự chọn)*	*2*			
III.	**THỰC TẬP CUỐI KHÓA, KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**		**10**			
48		Thực tập cuối khóa chuyên ngành 31	**4**			
		Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành 31	**6**			
		Tổng số tín chỉ / học phần	**129 / 48**			

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
KHOA TẠI CHỨC

LỚP TC..... / 31.....

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ VLVH TOÀN KHOÁ

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (Mã 31)

*(Theo Quyết định số **1345/**QĐ-HVTC ngày **27/11/2017** của Giám đốc HVTC; **Áp dụng từ TC48 học tín chỉ**)*

Số TT	KỲ HỌC	TÊN HỌC PHẦN / MÔN HỌC	Số tín chỉ	Ngày thi lần 1	Ngày thi lần 2	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I.	**PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (15 môn)**		**36**			
1		Triết học Mác-Lênin	3			
2		Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2			
3		Lịch sử Đảng CSVN	2			
4		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
5		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			
6		Tiếng Anh cơ bản 1	3			
7		Tiếng Anh cơ bản 2	4			
8		Toán cao cấp 1	2			
9		Toán cao cấp 2	2			
10		Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			
11		Pháp luật đại cương	2			
12		Tin học đại cương	3			
		Xã hội học *(tự chọn)*	*2*			
13		***Kinh tế môi trường*** *(tự chọn)*	*2*			
14		***Kinh tế phát triển*** *(tự chọn)*	*2*			
15		***Lịch sử các HTKT*** *(tự chọn)*	*2*			
		Quản lý hành chính công *(tự chọn)*	*2*			
II.	**PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**		**83**			
	Kiến thức cơ sở khối ngành (2 môn)		**6**			
16		Kinh tế vĩ mô	3			
17		Kinh tế vi mô	3			
	Kiến thức cơ sở ngành (8 môn)		**25**			
18		Tiếng Anh chuyên ngành 1	3			
19		Tiếng Anh chuyên ngành 2	3			
20		Nguyên lý kế toán	4			
21		Pháp luật kinh tế	3			
22		Nguyên lý thống kê	3			
23		Quản trị học	4			
24		Tin học ứng dụng	2			
25		Kinh tế lượng	3			